

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2023/DS-PT

Ngày 21-02-2023

V/v Tranh chấp chia thừa kế quyền sử
dụng đất; Tranh chấp quyền sử dụng
đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ;

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Mười;

Ông Dương Tuấn Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trung – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và 21 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 399/2022/TLPT-DS ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất; Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DSST ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 46/2023/QĐ-PT ngày 10 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị ND, sinh năm 1977. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp A1, xã X1, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Huỳnh Thị ND: Luật sư LS
- thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

Bị đơn:

1. Ông Huỳnh Thanh BD1, sinh năm 1975. (Có mặt)

2. Bà Nguyễn Hồng BD2, sinh năm 1976. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp A1, xã X1, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của bà BD2: Ông Hồ Vũ NUQ1, sinh năm 1980. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Phường 9, thành phố TP1, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện T. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 9, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

2. Bà Huỳnh Kim NLQ1, sinh năm 1972 (con ông C (Mi)). (Xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 5, xã X2, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Huỳnh Kim NLQ1: Bà Huỳnh Thị ND. (Có mặt)

3. Ông Huỳnh Thái NLQ2, sinh năm 1968 (con ông C). (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông NLQ2: Ông Huỳnh Thanh BD1, sinh năm 1975. (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp A1, xã X1, huyện T, tỉnh Cà Mau.

4. Bà Huỳnh Thị NLQ3, sinh năm 1963 (con ông C). (Vắng mặt)

Địa chỉ: SWEDEN (Thụy Điển).

5. Bà Huỳnh Thị NLQ4, sinh năm 1960 (con ông C). (Xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A1, xã X1, huyện T, tỉnh Cà Mau.

6. Ông Huỳnh Tấn NLQ5, sinh năm 1957 (con ông C). (Xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: khóm 3, phường 7, thành phố TP1, tỉnh Cà Mau.

7. Bà Trần Thị NLQ6, sinh năm 1937 (vợ ông C). (Xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A1, xã X1, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Trần Thị Lớn: Bà Huỳnh Thị ND. (Có mặt)

8. Bà Đỗ Thị NLQ7, sinh năm 1934 (Chết ngày 17/9/2021 - vợ ông B (Ban)).

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tụng của bà Đỗ Thị NLQ7:

8.1. Bà Trần Thị NLQ8, sinh năm 1968 (con bà NLQ7, ông B). *(Có mặt)*

8.2. Ông Trần Văn NLQ9, sinh năm 1972 (con bà NLQ7, ông B). *(Vắng mặt)*

8.3. Ông Trần Văn NLQ10, sinh năm 1976 (con bà NLQ7, ông B). *(Vắng mặt)*

Cùng địa chỉ: Phường 4, Quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh.

8.4. Bà Trần Thị Kim NLQ11, sinh năm 1974 (con bà NLQ7, ông B). *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Phường 3, Quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh.

8.5. Bà Trần Thị Kiều NLQ12, sinh năm 1979 (con bà NLQ7, ông B). *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: (USA).

Đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Trần Văn NLQ9, bà Trần Thị Kim NLQ11, ông Trần Văn NLQ10, bà Trần Thị Kiều NLQ12: Bà Trần Thị NLQ8. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trần Thị NLQ8: Luật sư LS— thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

9. Bà Trần Thị NLQ8, sinh năm 1968 (con bà NLQ7, ông B). *(Có mặt)*

Địa chỉ: Phường 4, Quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh.

10. Ông Trần Văn NLQ9, sinh năm 1972 (con bà NLQ7, ông B). *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Phường 4, Quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh.

11. Bà Trần Thị Kim NLQ11, sinh năm 1974 (con bà NLQ7, ông B). *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Phường 3, Quận Q1, Thành phố thành phố Hồ Chí Minh.

12. Ông Trần Văn NLQ10, sinh năm 1976 (con bà NLQ7, ông B). *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Phường 4, Quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh.

13. Bà Trần Thanh NLQ13, sinh năm 1976 (vợ anh NLQ10). *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Phường 4, Quận Q1, thành phố Hồ Chí Minh.

14. Bà Trần Thị Kiều NLQ12, sinh năm 1979 (con bà NLQ7, ông B).
(*Vắng mặt*)

Địa chỉ: (USA).

Đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Trần Văn NLQ9, bà Trần Thị Kim NLQ11, ông Trần Văn NLQ10, bà Trần Thanh NLQ13, bà Trần Thị Kiều NLQ12: Bà Trần Thị NLQ8. (Có mặt)

15. Chị Lý Huỳnh NLQ14, sinh năm 1988 (con bà Huỳnh Kim G). (*Vắng mặt*)

16. Chị Lý Khánh NLQ15, sinh năm 1992 (con bà Huỳnh Kim G). (*Vắng mặt*)

17. Chị Lý NLQ16, sinh năm 1994 (con bà Huỳnh Kim G). (*Vắng mặt*)

18. Chị Lý Diệu NLQ17, sinh năm 1996 (con bà Huỳnh Kim G). (*Vắng mặt*)

19. Anh Lý Huỳnh Thanh NLQ18, sinh năm 2000 (con bà Huỳnh Kim G). (*Vắng mặt*)

Cùng địa chỉ: Ấp 14, xã X3, huyện H1, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện hợp pháp theo ủy quyền của Lý Huỳnh NLQ14, Lý Khánh NLQ15, Lý NLQ16, Lý Diệu NLQ17, Lý Huỳnh Thanh NLQ18: Bà Huỳnh Thị ND. (Có mặt)

20. Anh Huỳnh NLQ21 NLQ19, sinh năm 2000 (con ông Huỳnh Thái NLQ2) (*Vắng mặt*)

21. Bà Nguyễn Hồng NLQ20 (vợ ông Huỳnh Thái NLQ2). (*Vắng mặt*)

22. Anh Huỳnh Tấn NLQ21, sinh năm 1999. (con ông Huỳnh Thái NLQ2) (*Vắng mặt*)

Cùng địa chỉ: Ấp A1, xã X1, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Nguyễn Hồng NLQ20, anh Huỳnh Tấn NLQ21: Anh Huỳnh NLQ21 NLQ19. (Vắng mặt)

23. Cháu Huỳnh Ngọc NLQ22, sinh năm 2005 (con ông Huỳnh Thái NLQ2).

Địa chỉ: Ấp A1, xã X1, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Đại diện hợp pháp theo pháp luật của cháu Huỳnh Ngọc NLQ22: Ông Huỳnh Thái NLQ2 và bà Nguyễn Hồng NLQ20 (là cha và mẹ ruột của cháu NLQ22). (Vắng mặt)

24. Cháu Huỳnh NLQ23, sinh năm 2005 (con ông Huỳnh Thanh BD1).
(Vắng mặt)

25. Cháu Huỳnh Gia NLQ24, sinh năm 2011 (con ông Huỳnh Thanh BD1). (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp A1, xã X1, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Đại diện hợp pháp theo pháp luật của Huỳnh NLQ23 và Huỳnh Gia NLQ24: Ông Huỳnh Thanh BD1 và bà Nguyễn Hồng BD2 (là cha và mẹ ruột của cháu Quỳnh và cháu NLQ24). (Ông BD1 có mặt, bà BD2 vắng mặt)

Địa chỉ: Phường 2, Quận Q2, TP. Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Huỳnh Thị NĐ; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn NLQ9, bà Trần Thị Kim NLQ11, ông Trần Văn NLQ10, bà Huỳnh Thị NLQ4, bà Trần Thị NLQ6, ông Huỳnh Tấn NLQ5, bà Huỳnh Kim NLQ1, bà Trần Thị NLQ8.

- *Viện Kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bà Huỳnh Thị NĐ trình bày:

Nguồn gốc phân đất tranh chấp của cha mẹ bà là ông Huỳnh Văn C và bà Trần Thị NLQ6. Ông C qua đời năm 2000, không để lại di NLQ1. Cha mẹ bà có 09 người con gồm: Ông Huỳnh Tấn NLQ5, bà Huỳnh Thị Lệ M (chết năm 1961, không có chồng con), bà Huỳnh Thị NLQ4, bà Huỳnh Thị NLQ3 (đang sinh sống ở Thụy Điển), bà Huỳnh Thị G (chết năm 2012, bà G có 5 người con gồm: Lý Huỳnh NLQ14, Lý Khánh NLQ15, Lý NLQ16, Lý Diệu NLQ17, Lý Thanh NLQ18), ông Huỳnh Thái NLQ2, bà Huỳnh Kim NLQ1, ông Huỳnh Thanh BD1 và bà Huỳnh Thị NĐ.

Sinh thời cha mẹ bà có phần đất tọa lạc tại ấp A1, xã X1, huyện T, tỉnh Cà Mau do ông Huỳnh Văn C đứng tên quyền sử dụng đất gồm các thửa số 626, 627, 653, 654, 655, 656, 657 tờ bản đồ số 7, diện tích 61.680m² do Ủy ban nhân dân huyện T cấp năm 1994.

Trong diện tích 61.680m² do cha bà đứng tên quyền sử dụng đất có một phần của ông Trần Văn B nên đến năm 2009, gia đình bà có trả lại ông B; phần

đất còn lại ông Huỳnh Thanh BĐ1 đứng tên quyền sử dụng đất tại các thửa số 368, 388, 389 và số 371, tờ bản đồ số 11, diện tích 40.849m².

Khi cha bà qua đời để lại phần đất có diện tích tại các thửa số 368, 388, 389 và số 371, tờ bản đồ số 11, diện tích 40.849m² và căn nhà cấp 4 gắn liền trên phần đất tranh chấp. Phần đất và nhà hiện do ông Huỳnh Thanh BĐ1 và vợ bà Nguyễn Hồng BĐ2 quản lý, sử dụng. Việc ông BĐ1 tự ý làm thủ tục nhận thừa kế toàn bộ phần đất là di sản thừa kế của cha bà để lại không được thân tộc, mẹ của bà và các anh em thông nhất.

Do đó, bà NĐ khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa số 368, 388, 389, 371 tờ bản đồ số 11, diện tích 40.849m² do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 17/11/2009 tọa lạc tại ấp A1, xã X1, huyện T, tỉnh Cà Mau đứng tên Huỳnh Thanh BĐ1; Công nhận 1/2 phần đất diện tích 40.849m² là di sản của cha bà là ông Huỳnh Văn C để lại và yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật và yêu cầu được nhận đất; bà không yêu cầu chia căn nhà do cha bà để lại.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà NĐ xác định: Đối với phần đất bà NLQ7 đang tranh chấp với ông BĐ1, bà không đặt ra yêu cầu chia thừa kế; chỉ yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất ông BĐ1 đang quản lý sử dụng không có tranh chấp theo đo đạc (thửa 4, 7) diện tích 32.923,9m². Trong phần diện tích 32.923,9m² có 1/2 diện tích là di sản thừa kế của ông C để lại tương đương 16.461,95m²; do bà NLQ3 và ông NLQ2 từ chối nhận di sản thừa kế nên phần di sản của ông C được chia cho 06 người con còn lại của ông C và bà NLQ6, gồm 07 kỷ phần; mỗi kỷ phần được chia tương ứng diện tích bằng 2.351,7m², bà NĐ yêu cầu nhận đất với diện tích đất 2.351,7m².

Theo ông Huỳnh Thanh BĐ1 trình bày:

Đối yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Về nguồn gốc đất tranh chấp của cha mẹ ông; về anh chị em của ông đúng như trình bày của bà Huỳnh Thị NĐ.

Về phần đất tranh chấp ông được mẹ ông ủy quyền cho lại ông có các anh chị em ông đồng ý, việc ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng theo quy định của pháp luật. Do đó, ông không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu chia thừa kế, ông yêu cầu buộc những người thừa kế phải trả lại giá trị bồi đắp, chi phí làm lộ làng qua phần đất tranh chấp.

Đối với yêu cầu của khởi kiện của bà Đỗ Thị NLQ7: Ông không đồng ý, vì ông không có lần đất của bà NLQ7. Năm 2009, giữa ông với bà NLQ7 có thỏa thuận ông đồng ý giao lại cho bà NLQ7 phần đất có diện tích 28.361m² trước đây

ông B để lại cho cha, mẹ ông quản lý sử dụng, phần đất này nằm trong tổng diện tích 61.680m² do cha mẹ ông đã đứng tên quyền sử dụng đất. Việc ông B, ông NLQ10 và bà NLQ13 đứng tên quyền sử dụng đất ông chưa ký tên để chuyển tên từ cha ông qua ông B, ông NLQ10 và bà NLQ13. Do đó, ông không đồng ý trả đất theo yêu cầu khởi kiện của bà NLQ7.

Theo bà Trần Thị NLQ8 trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cha mẹ chồng bà NLQ7 (ông Trần Văn Di, bà Nguyễn Thị Thành) cho ông Trần Văn B diện tích 61.680m², khi cho có giấy tờ không bà không biết, thời gian cho bà không biết. Ông B chết năm 2011, cha mẹ bà có 05 người con gồm: Trần Thị NLQ8, Trần Văn NLQ9, Trần Thị Kim NLQ11, Trần Văn NLQ10, Trần Thị NLQ12. Khi cha bà chết không để lại di NLQ1.

Từ khi cha bà được ông bà nội của bà cho đất thì cha bà không có quản lý sử dụng mà để lại cho ông C và bà NLQ6 (là cô, vợ của bà) quản lý, sử dụng. Đối với phần đất tranh chấp từ khi được cho cha bà có đăng ký kê khai hay không bà không xác định được.

Năm 1994, do có sự nhầm lẫn trong quá trình lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần đất của cha bà do ông C đăng ký kê khai đứng tên quyền sử dụng đất tại các thửa 626, 627, 653, 654, 655, 656, 657 tờ bản đồ số 7, tổng diện tích 61.680m².

Đến năm 2009, cha mẹ bà về để đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phát hiện phần đất của cha bà thiếu diện tích 21.139m². Nay mẹ bà (bà NLQ7) yêu cầu ông BĐ1 trả lại phần đất tranh chấp có tổng diện tích đo đạc thực tế có diện tích 15.966,6m² theo mảnh trích đo hiện trạng ngày 12/6/2020 của Trung tâm Kỹ thuật – Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau. Yêu cầu hủy một phần của hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 989184 và AO 989185 cùng ngày 17/11/2009 của Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho ông Huỳnh Thanh BĐ1 đứng tên.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Trần Thị NLQ8 xác định chỉ yêu cầu ông BĐ1 trả lại diện tích đất 8.870m² tại các thửa 388 và 389.

Theo bà Huỳnh Kim NLQ1 trình bày:

Bà NLQ1 thống nhất ý kiến trình bày và yêu cầu của bà Huỳnh Thị ND. Bà NLQ1 yêu cầu chia di sản thừa kế của ông C để lại diện tích 16.461,95m² cho 06 người con còn lại của ông C và bà NLQ6 (vợ ông C), gồm 07 kỷ phần; mỗi kỷ phần được chia tương ứng diện tích bằng 2.351,7m², bà NLQ1 yêu cầu nhận đất với diện tích 2.351,7m².

Theo bà Huỳnh Thị NLQ4 trình bày:

Bà NLQ4 thống nhất ý kiến trình bày và yêu cầu của bà Huỳnh Thị NĐ. Bà NLQ4 yêu cầu chia di sản thừa kế của ông C để lại diện tích 16.461,95m² cho 06 người con còn lại của ông C và bà NLQ6 (vợ ông C), gồm 07 kỷ phần; mỗi kỷ phần được chia tương ứng diện tích bằng 2.351,7m², bà NLQ4 yêu cầu nhận đất với diện tích 2.351,7m².

Theo ông Huỳnh Tấn NLQ5 trình bày:

Ông NLQ5 thống nhất ý kiến trình bày và yêu cầu của bà Huỳnh Thị NĐ. Ông NLQ5 yêu cầu chia di sản thừa kế của ông C để lại diện tích 16.461,95m² cho 06 người con còn lại của ông C và bà NLQ6 (vợ ông C), gồm 07 kỷ phần; mỗi kỷ phần được chia tương ứng diện tích bằng 2.351,7m², ông NLQ5 yêu cầu nhận đất với diện tích 2.351,7m².

Đại diện hợp pháp theo ủy quyền của Lý Huỳnh Nhu, Lý Khánh NLQ15, Lý NLQ16, Lý Diệu NLQ17, Lý Huỳnh Thanh NLQ18 (bà Huỳnh Thị NĐ) trình bày:

Bà NĐ yêu cầu chia di sản thừa kế của ông C để lại diện tích 16.461,95m² cho 06 người con còn lại của ông C và bà NLQ6 (vợ ông C), gồm 07 kỷ phần; mỗi kỷ phần được chia tương ứng diện tích bằng 2.351,7m². Do bà G đã chết, nên kỷ phần bà G được hưởng diện tích 2.351,7m² giao cho các con bà G nhận, yêu cầu nhận đất với diện tích 2.351,7m².

Đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị NLQ6 (bà Huỳnh Thị NĐ) trình bày:

Đối với phần đất bà NLQ7 đang tranh chấp với ông BĐ1, bà không đặt ra yêu cầu chia thừa kế; chỉ yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất ông BĐ1 đang quản lý sử dụng không có tranh chấp theo đo đạc (thửa 4, 7) diện tích 32.923,9m². Phần đất diện tích 32.923,9m² này là tài sản chung của ông C và bà NLQ6; trong đó có diện tích bằng 16.461,95m² là tài sản của bà NLQ6, 2 diện tích còn lại là di sản thừa kế của ông C để lại diện tích 16.461,95m². Bà NĐ yêu cầu ông BĐ1 trả lại cho bà NLQ6 diện tích đất 16.461,95m²; đối với phần di sản của ông C, do bà NLQ3 và ông NLQ2 từ chối nhận di sản thừa kế nên phần di sản của ông C được chia cho 06 người con còn lại của ông C và bà NLQ6, gồm 07 kỷ phần, mỗi kỷ phần được chia tương ứng diện tích bằng 2.351,7m², bà NĐ yêu cầu bà NLQ6 được nhận diện tích được chia 2.351,7m² và nhận bằng diện tích đất; đồng thời yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông BĐ1 đứng tên.

Theo ông Huỳnh Thái NLQ2 trình bày:

Năm 2003, ông có nhận cổ của bà NLQ7 05 công đất trong phần đất ông BD1 giao trả lại cho bà NLQ7. Ông BD1 xác định không có yêu cầu chia thừa kế trong vụ án này, đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế có trong hồ sơ (do Huỳnh Thị NĐ nộp) không phải là của ông, ông yêu cầu rút lại đơn khởi kiện này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DSST ngày 06 tháng 6 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 34, Điều 37, Điều 38, điểm c khoản 1 Điều 217, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 649, Điều 650, Điều 651 của Bộ luật Dân sự; Điều 203 Luật Đất đai; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia thừa kế của ông Huỳnh Thái NLQ2.
- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị NĐ đối với ông Huỳnh Thanh BD1 và bà Nguyễn Hồng BD2 về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Huỳnh Thanh BD1 đứng tên và chia thừa kế cho bà Huỳnh Thị NĐ đất có diện tích 2.351,7m² là di sản của ông Huỳnh Văn C để lại.
- Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Huỳnh Thị NLQ4 đối với ông Huỳnh Thanh BD1 và bà Nguyễn Hồng BD2 về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Huỳnh Thanh BD1 đứng tên và chia thừa kế cho bà Huỳnh Thị NLQ4 diện tích đất 2.351,7m² là di sản của ông Huỳnh Văn C để lại.
- Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Huỳnh Kim NLQ1 đối với ông Huỳnh Thanh BD1 và bà Nguyễn Hồng BD2 về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Huỳnh Thanh BD1 đứng tên và chia thừa kế cho bà Huỳnh Kim NLQ1 diện tích đất 2.351,7m² là di sản của ông Huỳnh Văn C để lại.
- Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Huỳnh Tấn NLQ5 đối với ông Huỳnh Thanh BD1 và bà Nguyễn Hồng BD2 về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Huỳnh Thanh BD1 đứng tên và chia thừa kế cho ông Huỳnh Tấn NLQ5 diện tích đất 2.351,7m² là di sản của cụ Huỳnh Văn C để lại.
- Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Trần Thị NLQ6 đối với ông Huỳnh Thanh BD1 và bà Nguyễn Hồng BD2 về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Huỳnh Thanh BD1 đứng tên và chia thừa kế cho bà Trần Thị NLQ6 diện tích đất 2.351,7m² là di sản của cụ Huỳnh Văn C để lại và buộc ông Huỳnh Thanh BD1 và bà Nguyễn Hồng BD2 trả lại cho bà Trần Thị NLQ6 diện tích đất 16.461,95m² là phần tài sản của bà Trần Thị NLQ6.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị NLQ7 (do bà Trần Thị NLQ8, ông Trần Văn NLQ9, bà Trần Thị Kim NLQ11, ông Trần Văn NLQ10, bà Trần Thị Kiều NLQ12 là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà NLQ7) về việc yêu cầu ông Huỳnh Thanh BD1 và bà Nguyễn Hồng BD2 trả diện tích đất 8.870m² thuộc thửa 388, 389 tờ bản đồ số 11, đất tọa lạc tại ấp A1, xã X1, huyện T, tỉnh Cà Mau.

(Kèm theo Bản trích đo hiện trạng ngày 12/6/2020 của Trung tâm Kỹ thuật – Công nghệ - Quan trắc – Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau)

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí ủy thác tư pháp, chi phí đo đạc, thẩm định, định giá, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bản án sơ thẩm đã bị kháng cáo, kháng nghị như sau:

- Ngày 17/6/2022, nguyên đơn bà Huỳnh Thị NĐ cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Kim NLQ1, ông Huỳnh Tấn NLQ5, bà Trần Thị NLQ6, bà Huỳnh Thị NLQ4 có đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Ngày 22/6/2022, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Đỗ Thị NLQ7 (vợ ông B) gồm bà Trần Thị NLQ8, ông Trần Văn NLQ10, bà Trần Thị Kim NLQ11, ông Trần Văn NLQ9 có đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm tuyên sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của bà Đỗ Thị NLQ7.

- Ngày 20/6/2022, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Quyết định Kháng nghị phúc thẩm số 10/QĐ-VKS-DS với nội dung đề nghị hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm để xác minh làm rõ một số vấn đề. Lý do kháng nghị như sau: Biên bản họp thân tộc ngày 25/5/2002 về việc tặng cho đất ông BD1 không được cụ NLQ6 và các người con có tên thừa nhận, mặt khác tại biên bản này cũng không có đầy đủ các hàng thừa kế: còn thiếu bà Huỳnh Kim NLQ1, hàng thừa kế của bà Huỳnh Thị G và ông Huỳnh Tấn NLQ5. Do đó, biên bản này không có giá trị pháp lý, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn là có căn cứ.

Nhận định của án sơ thẩm về việc ông BD1 đứng tên quyền sử dụng đất vào năm 2002, lúc đó cụ bà Trần Thị NLQ6 và các con là bà NĐ, bà NLQ3, ông BD1, bà NLQ4, ông NLQ2 cùng sống chung nhà với nhau; đến năm 2003 ông BD1 đứng ra trả đất cho gia đình ông B, mọi người đều biết và không ai có ý kiến gì, nên xác định đã cho đất ông BD1 là không có căn cứ pháp lý chỉ là nhận định chủ quan của Tòa sơ thẩm. Ngoài ra, án sơ thẩm áp dụng quy định về thời hiệu

khởi kiện đối với vụ án thừa kế trong khi các bên đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu là không phù hợp; trong phần đất tranh chấp có 50% thuộc quyền sử dụng của cụ NLQ6, không thuộc tài sản thừa kế.

Cấp sơ thẩm chưa làm rõ ban quản lý ngôi miếu phía trước phần đất đã đóng góp số tiền làm bờ kè bao nhiêu? Đóng góp thời gian nào? Đưa tiền trực tiếp cho ai? Chưa xác minh chính quyền địa phương là bờ kè làm thời gian nào để có căn cứ xem xét đối trừ tiền làm bờ kè cho ai khi chia thừa kế phần đất trên.

Việc xác định phần đất do ông B đứng tên hiện nay là thửa nào, do ai đang quản lý chưa được làm rõ, chưa có văn bản nào của cơ quan có thẩm quyền xác định.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bà Huỳnh Thị NĐ với tư cách nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của các đương sự khác trình bày giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như đã nêu trong đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Huỳnh Thị NĐ yêu cầu hủy bản án sơ thẩm vì đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị NĐ và những người thuộc diện thừa kế của ông Huỳnh Văn C là không khách quan, trong khi ông BD1 bà BD2 không cung cấp được chứng cứ đã bỏ chi phí xây cất nhà, làm bờ kè mà do ông Huỳnh Tấn NLQ5 cung cấp vật tư để xây cất và vợ chồng ông BD1 có nhà riêng sinh sống tại Thành phố Cà Mau chứ không trực tiếp ở trên đất, đến năm 2016 ông BD1 mới về ở trong căn nhà của cha mẹ và đuổi bà NLQ6, bà NĐ đi khỏi nhà. Hiện tại ông BD1 bà BD2 cũng đã ly hôn, bà BD2 không liên quan đến nhà đất đang tranh chấp.

Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông BD1 đứng tên là không hợp pháp vì ông kê khai căn cứ vào Biên bản họp gia đình nhưng vắng mặt ông NLQ5, bà G và bà NLQ1 nhưng án sơ thẩm cho rằng hết thời hiệu khởi kiện để chia thừa kế và bác yêu cầu của bà NĐ là không đúng quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị NLQ8 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và xác định mẹ bà là bà Đỗ Thị NLQ7 đã khởi kiện độc lập đối với ông Huỳnh Thanh BD1, bà Nguyễn Hồng BD2 vào ngày 19/6/2019 và ủy quyền cho bà tham gia trong suốt quá trình giải quyết vụ kiện. Bà NLQ7 mất ngày 17/9/2021 nên những người thuộc diện thừa kế của bà NLQ7 đã ủy quyền cho bà tham gia tố tụng với tư cách người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà NLQ7 và đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Vào năm 2009, ông BD1 có thỏa thuận với bà NLQ7 trả lại một phần diện tích đất trước đây ông C mượn gia đình bà NLQ7 để canh tác, tuy nhiên, đến khi đi làm thủ tục giấy tờ mới phát hiện diện tích đất đã nhận lại chưa đủ như thỏa thuận nên yêu cầu ông BD1, bà

BĐ2 trả tiếp 8.870m² tại các thửa 388 và 389 vì ông BĐ1 là người đứng tên trên Giấy chứng nhận và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông BĐ1 do cấp không đúng diện tích. Án sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ chứng cứ đã bác yêu cầu khởi kiện của bà NLQ7 là sai.

Ông Huỳnh Thanh BĐ1 yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm do đất và tài sản trên đất là do ông trực tiếp quản lý, sử dụng và xây cất. Thời điểm ông làm thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà thì các anh chị em và kể cả bà NLQ6 đều đồng ý. Tuy biên bản họp thân tộc có vắng ông NLQ5, bà NLQ1 và bà G nhưng ai cũng biết sự việc trên và không có ý kiến gì. Do anh chị em đều khó khăn nên toàn bộ diện tích đất khi chuyển đổi từ đất trồng lúa sang đất nuôi tôm không có ai xuất tiền ra mà ông phải đi vay vốn ngân hàng để thực hiện. Án sơ thẩm xét xử bác yêu cầu của bà Huỳnh Thị NĐ và những người còn lại trong gia đình là đúng thực tế. Riêng yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị NLQ7 do bà Trần Thị NLQ8 đại diện là không có căn cứ vì năm 2009 ông đã trả đất toàn bộ đất cho bà NLQ7 nên hiện bà NLQ7 không còn phần đất nào để đòi từ ông. Phần đất của gia đình của bà NLQ7 có liên quan đến đất ông Trần Văn Đình đang sử dụng nên bà có đòi thì phải xem lại thửa đất nào thuộc gia đình bà được ông bà cho trước kia. Ông không đồng ý trả đất theo yêu cầu của bà NLQ7 và cũng không đồng ý với nội dung Kháng nghị.

Ông BĐ1 xác định ông và bà Nguyễn Hồng BĐ2 đã ly hôn và tài sản đang tranh chấp hiện tại không liên quan đến bà BĐ2.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Đơn kháng cáo và Kháng nghị còn trong hạn luật định nên hợp lệ.

Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự có mặt trong giai đoạn xét xử phúc thẩm tuân thủ quy định tố tụng. Việc triệu tập đến phiên tòa phúc thẩm là hợp lệ nên đủ điều kiện để đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự còn lại.

Kiểm sát viên xác định giữ nguyên nội dung kháng nghị và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị và một phần kháng cáo của các đương sự, tuyên hủy án sơ thẩm do có các vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng đối với việc nhập vụ án, xác định thiếu người tham gia tố tụng và thu thập chứng cứ chưa đầy đủ dẫn đến tuyên xử không đúng bản chất tranh chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Quyết định kháng nghị và các đơn kháng cáo là trong thời hạn luật định nên hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Án sơ thẩm đã xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất, tranh chấp quyền sử dụng đất” và thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về thời hạn giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm có vi phạm và thủ tục một số lần hoãn phiên tòa chưa phù hợp với quy định.

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhưng một số đương sự vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này tại phiên tòa phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng nghị và yêu cầu kháng cáo:

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án nhận thấy trong quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã không tuân thủ một số quy định về thủ tục tố tụng. Cụ thể:

- *Tòa án cấp sơ thẩm đã ra Quyết định nhập vụ án và xác định tư cách người tham gia tố tụng không đúng quy định:*

Theo Quyết định nhập vụ án số 01/2019/QĐ-NVA ngày 02/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau (BL 303, 304), Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã nhập vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số 24/2019/TLST-DS ngày 13/8/2019 về Tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất giữa bà Đỗ Thị NLQ7 (và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà NLQ7) đối với ông Huỳnh Thanh BD1 và bà Nguyễn Hồng BD2 vào hồ sơ vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số 15/2018/TLST-DS ngày 13/8/2018 về Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất giữa bà Huỳnh Thị ND đối với ông Huỳnh Thanh BD1 và bà Nguyễn Hồng BD2 thành vụ án “*Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất; Tranh chấp đòi tài sản là quyền sử dụng đất*” nhưng chỉ xác định bà Huỳnh Thị ND là nguyên đơn; bà Trần Thị NLQ8 (đại diện theo ủy quyền của bà Đỗ Thị NLQ7) là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là xác định sai tư cách người tham gia tố tụng, ảnh hưởng đến quyền lợi tố tụng của các đương sự do vụ án có 02 yêu cầu khởi kiện với 02 quan hệ pháp luật khác nhau, được thụ lý thành 02 vụ kiện dân sự. 02 yêu cầu khởi kiện này là của 02 đương sự khác nhau, có liên quan đến một phần tài sản là quyền sử dụng đất đang tranh chấp gồm: yêu cầu chia thừa kế của bà Huỳnh Thị ND đối với ông Huỳnh Thanh BD1, bà Nguyễn Hồng BD2; yêu cầu đòi lại quyền sử dụng đất của bà Đỗ Thị NLQ7 (và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà NLQ7) đối với ông Huỳnh Thanh BD1, bà Nguyễn Hồng BD2.

Để xác định khối di sản của ông Huỳnh Văn C phải tạm đình chỉ giải quyết hồ sơ vụ kiện của bà Huỳnh Thị NĐ để giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị NLQ7 trước; khi bản án, quyết định của vụ kiện này có hiệu lực pháp luật mới tiến hành giải quyết vụ kiện yêu cầu chia thừa kế. Nên đây không thuộc trường hợp nhập vụ án như cấp sơ thẩm đã thực hiện.

Về việc đưa người vào tham gia tố tụng, cấp sơ thẩm còn bỏ sót người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với nội dung tranh chấp của các đương sự là hộ ông Trần Văn Đình và Ban quản lý Miếu thờ nơi có ngôi miếu tọa lạc trên phần đất tranh chấp (liên quan đến nội dung chi phí làm bờ kè).

- Về hoạt động thu thập chứng cứ:

Sau khi thực hiện đo vẽ hiện trạng đất tranh chấp và hoàn thành bản vẽ, Tòa án không yêu cầu cơ quan đo đạc áp thửa nên không có cơ sở để xác định trong thực tế, thửa đất do bà Đỗ Thị NLQ7 yêu cầu ông BĐ1 bà BĐ2 hoàn trả thuộc vị trí cụ thể nào, diện tích nào là chính xác và có nhầm lẫn với thửa đất do gia đình ông Trần Văn Đình đang sử dụng hay không – phần này có liên quan đến nội dung Kháng nghị của Viện Kiểm sát.

Ngoài ra, trong nội dung khởi kiện có liên quan đến yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy cấp sơ thẩm có đưa UBND huyện T là cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận và phía Ủy ban có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nhưng Tòa án không yêu cầu gửi văn bản nêu ý kiến của Ủy ban về trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận cũng như tính hợp pháp, có căn cứ của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị yêu cầu hủy là thu thập chứng cứ chưa đầy đủ.

- Về nội dung:

Án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị NĐ và bà Đỗ Thị NLQ7 cùng yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không giải quyết đối với các khoản tiền liên quan đến việc làm đường, làm bờ kè trong khi hồ sơ vụ án thể hiện ông BĐ1 thừa nhận có phần đóng góp của những người khác là thiếu sót, chưa đảm bảo tính có căn cứ của bản án.

Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 989184 và AO 989185 cùng ngày 17/11/2009 của Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho ông Huỳnh Thanh BĐ1: theo ông BĐ1 khai là trên cơ sở Biên bản họp thân tộc ngày 25/5/2002 về việc tặng cho đất của ông C cho ông BĐ1 không được những người thuộc diện và hàng thừa kế của ông C thừa nhận, nội dung biên bản không có sự hiện diện của ông NLQ5, bà NLQ1 và bà G (là con ông C) nhưng án sơ thẩm xác định Giấy chứng nhận này cấp cho ông BĐ1 hợp pháp là trái với các chứng cứ đã thu thập

trong hồ sơ.

Với các vi phạm nêu trên, án sơ thẩm tuyên xử khi chưa đủ cơ sở để xác định tính khách quan và đúng đắn trong vụ án là không đúng quy định. Các vi phạm này không thể khắc phục được ở giai đoạn xét xử phúc thẩm nên Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng nghị và một phần yêu cầu kháng cáo của các đương sự, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm chuyển hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết theo quy định.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết theo quy định nên các đương sự chưa phải chịu án phí sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị và một phần kháng cáo nên các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm, người kháng cáo được hoàn lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự,

Chấp nhận một phần kháng cáo của các đương sự và Quyết định kháng nghị số 10/QĐ-VKS-DS ngày 20/6/2022 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau.

Hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Các chi phí tố tụng (nếu có) sẽ được xử lý khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị NĐ, bà Huỳnh Kim NLQ1, bà Trần Thị NLQ8, ông Trần Văn NLQ9, bà Trần Thị Kim NLQ11, ông Trần Văn NLQ10, mỗi người được hoàn lại 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp lần lượt theo các biên lai thu số 0000107, 0000106, 0000108 cùng ngày 20 tháng 6 năm 2022 và số 0000112, 0000113, 0000110 cùng ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND tỉnh Cà Mau (1);
- VKSND tỉnh Cà Mau (1);
- Cục THADS tỉnh Cà Mau (1);
- ĐS (29);
- Lưu VP(3), HS(2).35b.NHT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thụy Vũ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Mười

Dương Tuấn Vinh

Nguyễn Thị Thụy Vũ